

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2024/HS-ST
Ngày 06-05-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn

Ông Nguyễn Đức Hiền

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 06/5/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/HSST-QĐ ngày 12/4/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Tạ Xuân G, sinh năm 2004, tại huyện T, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: thiên chúa giáo; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Tạ Đức Đ và bà: Nguyễn Thị O; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo đầu thú, không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Quang V, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1987; địa chỉ: Lô B khu dân cư S, đường B, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt)

- **Người làm chứng:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày ngày 02/01/2024, Tạ Xuân G đến phòng trọ bạn gái là chị Vũ Huỳnh Đ1, sinh năm 2004, trú tại xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đang thuê trọ tại tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V (nay là phường N, thị xã V), tỉnh Bắc Giang chơi rồi ở lại qua đêm. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 03/01/2024, sau khi chị Đ1 đi làm, G đi bộ một mình đến quán game của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971, ở cùng tổ dân phố chị Đ1 thuê trọ để chơi điện tử. Khi G đang đi trên cầu thang lên tầng 2 chơi điện tử, phát hiện thấy có nhiều xe mô tô của khách để tại khu vực sân ở tầng 1 nhưng không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô mang đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. G đi quay lại xuống khu vực để xe mô tô, phát hiện ở cạnh chân cầu thang có xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 98M1- 023.22 (viết tắt là xe mô tô biển kiểm soát 98M1- 023.22) của anh Nguyễn Quang V, sinh năm 1991, trú tại thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang là khách chơi điện tử chỉ khóa điện, không khóa cổ, không khóa càng. Lúc này, G lén lút dùng hai tay dắt trộm xe mô tô biển kiểm soát 98M1- 023.22 đi ra đường bên ngoài cổng quán game. Sau đó, G dùng chìa khóa xe mô tô mang theo trước đó, mở khóa điện xe trộm cắp của anh V, đề xe nổ máy rồi điều khiển hướng về thành phố B để tìm nơi bán. Trên đường điều khiển xe mô tô trộm cắp đi bán, G dùng xe mở cốp xe phát hiện có đăng ký xe mô tô mang tên anh V nên cầm mang theo. Khoảng 12 giờ cùng ngày, G điều khiển xe mô tô trộm cắp của anh V vào cửa hàng “Mua bán, trao đổi, sửa chữa, bảo dưỡng Nguyễn D motor 379” ở thôn P, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang do anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1987, trú tại thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang làm chủ để bán xe. Tại đây, G nói dối xe mô tô là của G mua lại của người khác rồi thỏa thuận bán xe cho anh D với giá 4.000.000 đồng. Anh D kiểm tra thấy xe có giấy tờ xe đúng như G khai nên đồng ý mua xe và đưa cho G 01 tờ giấy đề “Giấy cam kết bán ô tô- xe máy” soạn thảo theo mẫu trước đó, bỏ trống thông tin, địa chỉ người bán, tên tài sản cho G viết. Lúc này, G cố tình viết sai họ tên, địa chỉ người bán xe thành “Hoàng Văn T1- nơi thường trú: C-T- Bắc Giang”, phân ký người bán xe “T1- Hoàng Văn T1”. Sau đó, G giao xe mô tô trộm cắp cùng đăng ký xe và “Giấy cam kết bán ô tô- xe máy” cho anh D. Anh D lấy 4.000.000 đồng trả G rồi G bỏ đi khỏi cửa hàng để chi tiêu số tiền bán xe.

Ngày 07/01/2024, Tạ Xuân G biết hành vi trộm cắp xe mô tô bị phát hiện nên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V (nay là thị xã V) đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V (nay là thị xã V) thu giữ của anh Nguyễn Xuân D: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 98M1- 023.22 cùng 01 giấy chứng

nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Quang V và 01 giấy cam kết bán ô tô-xe máy do G viết khi bán xe.

Tại Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 08/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V (nay là thị xã V) kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 98M1- 023.22 có giá trị 6.000.000 đồng.

Ngày 10/01/2024, Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu Phòng K- Công an tỉnh B giám định chữ ký, chữ viết trong 01 giấy cam kết bán ô tô-xe máy do anh D giao nộp (ký hiệu giám định A) với chữ viết, ký của Tạ Xuân G.

Tại Kết luận giám định số 177/KL-KTHS ngày 19/01/2024 của Phòng K- Công an tỉnh B kết luận: “Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Tạ Xuân G trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người ký, viết ra”.

Bản cáo trạng số: 78/CT-VKS ngày 11/03/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên truy tố bị cáo Tạ Xuân G về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b điểm i điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Tạ Xuân G từ 07 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã N, huyện T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bị cáo G phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Tạ Xuân G đã hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 33 phút ngày 03/01/2024, tại khu vực để xe ở góc sân tầng 1 quán game của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971, ở tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V (nay là phường N, thị xã V), tỉnh Bắc Giang, Tạ Xuân G có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 98M1- 023.22 trị giá 6.000.000 đồng của anh Nguyễn Quang V, sau đó, G điều khiển xe mô tô trộm cắp đến thôn P, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang bán cho anh Nguyễn Xuân D lấy 4.000.000 đồng.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đủ độ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*", như vậy bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên đã truy tố bị cáo Tạ Xuân G về tội "*Trộm cắp tài sản*" khoản 1 Điều 173, Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Tạ Xuân G đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã đầu thú; đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ do đó không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng đủ sức răn đe giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[10] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 98M1- 023.22 cùng đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Quang V là tài sản, giấy tờ của anh V, Cơ quan điều tra đã trả lại anh V. Chìa khóa xe mô tô G dùng mở khóa xe trộm cắp, G khai đã vứt đi, không nhớ vứt ở đâu, đồng thời tiền bán xe trộm cắp đã chi tiêu cá nhân hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Quá trình điều tra, bị cáo Tạ Xuân G đã bồi thường cho anh Nguyễn Xuân D số tiền 4.000.000 đồng. Hiện anh V, anh D đều không yêu cầu G bồi thường khoản tiền gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Anh Nguyễn Xuân D có giấy phép đăng ký kinh doanh mua bán, trao đổi, sửa chữa xe máy và khi mua chiếc xe trên, anh D không biết do G phạm tội mà có do đó anh D không vi phạm pháp luật.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt: Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt Tạ Xuân G 08 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo G cho UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Tạ Xuân G thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Bị cáo Tạ Xuân G phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND thị xã Việt Yên;
- Sở Tư pháp;
- Công an thị xã Việt Yên (CQCSĐT+ CQTHAHS);
- Chi cục thi hành án DS thị xã Việt Yên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luyện